

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-02-2023
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Diệp Huyền Thảo

Ông Nguyễn Trung Vẹn

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/04/1994.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công K, sinh ngày 11/6/1992.

Địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cư trú: Ibarakiken Tsukubashi azuma C (Nhật Bản) (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công K có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 78. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Nguyễn Công K lao động ở nước ngoài, mỗi lần liên lạc thường hay cãi vã nhau và thiếu sự tôn trọng nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp

tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa nên chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Công K.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị D đi làm xa nên không có điều kiện về tham dự phiên tòa được nên chị đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Theo bản tự khai ngày 17 tháng 6 năm 2022 bị đơn anh Nguyễn Công K trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ D có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống thì anh với chị D không có con chung và tài sản chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn là từ năm 2022 giữa anh và chị D phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, đối xử thiếu tôn trọng nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Công K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh K hiện đang làm việc ở nước ngoài nên không về tham dự phiên tòa được nên anh đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K từ khi sống chung cho đến nay không hòa thuận, không quan tâm chăm sóc cho nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm sống, dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 127, 129 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Công K; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn

Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K khai thống nhất không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K là hợp pháp. Việc chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Công K trú tại Ibarakiken T azuma 3-9-6 M G (Nhật Bản), là quan hệ tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K yêu cầu xét xử vắng mặt do không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 78. Sau khi kết hôn thì anh Nguyễn Công K làm việc và sinh sống ở Nhật Bản và chị Nguyễn Thị Mỹ D thì sinh sống ở Việt Nam từ năm 2022 cho đến nay, từ đó xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân.

Theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K không thực hiện quyền và nghĩa vụ này đối với nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định pháp luật. Chị D và anh K đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, Chị D và anh K cũng thống nhất thuận tình ly hôn.

Từ những cơ sở trên xét thấy tình cảm vợ chồng của chị D và anh K không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D với anh Nguyễn Công K.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm của vị Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 207, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Công K.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Công K khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014518 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Anh Nguyễn Công K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã T
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu